TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh.
2. Ông Nguyễn Thế Hiển.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Trịnh Minh T (tên gọi khác là Trịnh Văn T), sinh năm 1980; tại B; hộ khẩu thường trú: Số 8/3 ấp Tr, xã Tr, huyện H, thành phố H; nơi đăng ký tạm trú: Ấp Ch, xã Th, huyện D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Trịnh Văn Tr, sinh năm 1942 (chết) và bà Hồ Thị Th, sinh năm 1948; bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1983; có vợ tên Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1992 (đã ly hôn); có một người con, sinh năm 2013; nhân thân: Ngày 05/12/2003, bị Toà án nhân dân thành phố H xử 04 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo bản án số 2168/HSST. Ngày 27/3/2007, bị Toà án nhân dân huyện H, thành phố H xử 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 37/2007/HSST; tiền án: Ngày 11/7/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh B xử 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 34/2017/HS-ST; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 20/8/2019, đến ngày 28/8/2019 bị tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trịnh Thị Mỹ Ng, sinh năm 1970

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1948; hộ khẩu thường trú tại: Số 8/3 ấp Tr, xã Tr, huyện H, Thành phố H; tạm trú: Ấp Ch, xã Th, huyện D, tỉnh B. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp B, xã Th, huyện D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Thị Mỹ Ng, sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: ấp B, xã A, huyện D làm nghề tư vấn bán bảo hiểm nhân thọ. Trịnh Minh T và bà Ng quen biết nhau qua mạng Zalo từ tháng 7/2019. Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 19/8/2019, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 50Y1-228.91, đến quán giải khát "Út Ng" của bà Ng, để bà Ng tư vấn bảo hiểm nhân thọ cho T. Khoảng 15 giờ cùng ngày, trong lúc bà Ng năm võng ở trước quán nghe điện thoại, T đi vệ sinh phía sau nhà bà Ng thì thấy chiếc xe mô tô Wave Alpha, biển số 61F1-21378 của bà Ng để trong nhà không khóa cốp xe, cốp xe dựng lên, trong cốp có một bóp da màu nâu thì nảy sinh ý định tìm tài sản để trộm cắp. T lấy bóp da màu nâu mang vào nhà vệ sinh mở ra thấy có 01 giấy phép lái xe, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 thẻ ATM Viettin bank mang tên Trịnh Thị Mỹ Ng và tiền Việt Nam, trị giá 6.700.000 đồng. T lấy số tiền và giấy tờ trên giấu trong túi quần và giắt vào sau lưng quần, ném bóp da vào sọt đựng quần áo trong nhà vệ sinh.

Sau khi lấy được số tài sản trên, T đi về nhà ở ấp Ch, xã Th, huyện D. Trên đường đi T làm rơi mất 2.200.000 đồng, khi về đến chợ B, xã Th, huyện D, Tiến gặp bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986, ngụ tại ấp B, xã Th, huyện D và đưa cho bà L 1.800.000 đồng nhờ bà Lộc đóng học phí cho con gái T đang học tại Trường Tiểu học xã Th. T tiêu xài cá nhân hết 500.000 đồng, còn lại 2.200.000 đồng.

Sau khi T về, bà Ng phát hiện tài sản của mình bị mất nên gọi điện cho T và làm đơn trình báo về việc mất trộm tài sản gửi Cơ quan Công an.

Đến 21 giờ 10 phút cùng ngày, T đã đầu thú tại Công an xã A, huyện D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ 01 cái bóp bằng da màu nâu, kích thước 18 x14 cm tại hiện trường và thu giữ của Tiến:

- 01 điện thoại di động Redmi 5plus, màu đen, số IMEI: 868618030452460, bên trong có 01 sim Vinaphone có dãy số trên sim 89840200010695504480, 01 sim ở mặt trên có ghi "Hỗ trợ 4G" và dãy số 8984050518;

- 01 giấy phép lái xe số AQ 962772 mang tên Trịnh Thị Mỹ Ng;

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017645 mang tên Trịnh Thị Mỹ Ng;

- 01 thẻ Viettin Bank tên Trịnh Thị Mỹ Ng;

- Tiền Việt Nam: 2.200.000 đồng;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đen, số khung: HY468271, số máy: 0443410, biển số 50Y1-228.91.

Đã thu giữ của Nguyễn Thị L số tiền 1.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo như Cáo trạng số 53/CT- VKSDT- HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện kiểm sát bổ sung ý kiến: Đề nghị xem xét tình tiết bị cáo đầu thú, cha mẹ ruột của bị cáo là người có công với cách mạng theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trịnh Thị Mỹ Ng đã nhận lại đủ số tiền và giấy tờ của mình, không yêu cầu bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo nên không đặt ra xem xét.

Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1948, trú tại ấp Tr, xã Tr, huyện H, thành phố H (mẹ ruột của bị cáo T) đã trả thêm cho bị hại Trịnh Thị Mỹ Ng số tiền 2.700.000 đồng thay cho bị cáo T. Bà Th không yêu cầu T phải trả lại số tiền này nên ghi nhận.

- Về vật chứng đề nghị xử lý như sau:

Số tài sản mà bị cáo T trộm cắp là tài sản hợp pháp của bà Trịnh Thị Mỹ Ng. Ngày 10/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản cho bà Ng bao gồm: 01 giấy phép lái xe số AQ 962772; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017645; 01 thẻ Viettin Bank; 01 cái bóp bằng da màu nâu, kích thước 18 x14 cm; tiền Việt Nam: 4.000.000 đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 34/QĐ ngày 10/9/2019.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đen, số khung: HY468271, số máy: 0443410, biển số 50Y1-228.9, quá trình điều tra xác định do Trịnh Minh T đứng tên chủ sở hữu, là tài sản hợp pháp của T. Tiến không sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội nên trả lại xe mô tô này cho T.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi 5plus, màu đen, số IMEI: 868618030452460, bên trong có 01 sim Vinaphone có dãy số trên sim 89840200010695504480, 01 sim ở mặt trên có ghi "Hỗ trợ 4G" và dãy số 8984050518 là tài sản của Trịnh Minh T, T không sử dụng điện thoại và sim điện thoại trên để phạm tội nên trả lại cho T.

Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, lời khai và lời trình bày của bị cáo như sau:

Bị cáo Trịnh Minh T khai nhận thống nhất với kết quả điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Thống nhất về tội danh, điều luật áp dụng theo đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa. Bị cáo tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Quá trình giải quyết vụ án bị cáo không có ý kiến gì cũng không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại Trịnh Thị Mỹ Ng trình bày: Thống nhất với nội dung Cáo trạng, ngày 10/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản cho bà Nga bao gồm: 01 giấy phép lái xe số AQ 962772; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017645; 01 thẻ Viettin Bank; 01 cái bóp bằng da màu nâu, kích thước 18 x14 cm; tiền Việt Nam: 4.000.000 đồng. Bà Hồ Thị Th, sinh năm 1948, mẹ bị cáo đã trả thêm cho bị hại Ng số tiền 2.700.000 đồng thay cho bị cáo. Hiện tại, bị hại Ng đã nhận lại đủ số tiền bị trộm và các giấy tờ, vì vậy không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Th trình bày: Bà Th là mẹ ruột của bị cáo Trịnh Minh T, bà đã tự nguyện trả cho bị hại số tiền 2.700.000 đồng thay cho bị cáo. Bà Th không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

Lời khai trong quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị L trình bày: Bà L không biết số tiền 1.800.000 đồng mà bị cáo T đưa nhờ đóng tiền học cho con là do phạm tội mà có. Ngày 21/8/2019, Công an xã A đã thu giữ của bà L số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho bị hại Ng, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của người dân, bị cáo rất hối hận, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị

hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm theo quy định pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 19/8/2019, tại nhà bà Trịnh Thị Mỹ Ng ở ấp B, xã A, huyện D, tỉnh B Trịnh Minh T lợi dụng bà Ng đang nghe điện thoại, đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản trong cốp xe mô tô đang dựng trong nhà của bà Ng, trộm cắp số tiền 6.700.000 đồng và 01 số giấy tờ tùy thân của bà Ng.

Hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Như vậy, bản Cáo trạng số 53/CT-VKSDT- HS ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B và bản luận tội của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội " trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ lỗi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ lỗi, nhân thân: Hành vi lợi dụng bị hại đang nghe điện thoại, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản là số tiền 6.700.000 đồng và 01 số giấy tờ tùy thân của bà Ng tuy chưa gây hậu quả thiệt hại lớn nhưng nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được Nhà nước bảo vệ, xâm phạm đến an ninh trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi để biết việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu: Ngày 05/12/2003, bị Toà án nhân dân thành phố H xử 04 năm tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo bản án số 2168/HSST. Ngày 27/3/2007, bị Toà án nhân dân huyện Hó, thành phố H xử 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" theo bản án số 37/2007/HSST.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Theo bản án số 34/2017/HS-ST ngày 11/7/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xử 01 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo chấp hành hình phạt tù tại trại giam An Phước, đến tháng 3/2018 thì chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống. Bị cáo chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội, tái phạm hành vi phạm tội của bị cáo là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 19/8/2019, bị cáo đến Công an xã A, huyện D để đầu thú; bị cáo có cha mẹ ruột là người có công với cách mạng; mẹ của bị cáo đã tự nguyện bồi thường tài sản cho bị hại thay bị cáo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và xử phạt mức án phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để đảm bảo sự nghiêm minh cũng như sự khoan hồng của pháp luật và có tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T là người không có việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Ng đã nhận lại đủ số tiền và giấy tờ của mình, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Hồ Thị Th là mẹ ruột của bị cáo, bà đã tự nguyện trả thêm cho bị hại Ng số tiền 2.700.000 đồng thay cho bị cáo. Bà Th không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này, đây là sự tự nguyện của bà Th nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

Số tài sản mà bị cáo trộm cắp là tài sản hợp pháp của bà Trịnh Thị Mỹ Ng. Ngày 10/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện D đã trả lại tài sản cho bà Ng bao gồm: 01 giấy phép lái xe số AQ 962772; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 017645; 01 thẻ Viettin Bank; 01 cái bóp bằng da màu nâu, kích thước 18 x 14 cm; tiền Việt Nam 4.000.000 đồng theo Quyết định xử lý vật chứng số 34/QĐ ngày 10/9/2019. Việc trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đen, số khung: HY468271, số máy: 0443410, biển số 50Y1-228.9, quá trình điều tra xác định do bị cáo đứng tên chủ sở hữu, là tài sản hợp pháp của bị cáo. Bị cáo không sử dụng xe mô tô này vào việc phạm tội. Đối với 01 điện thoại di động Redmi 5plus, màu đen, số IMEI: 868618030452460, bên trong có 01 sim Vinaphone có dãy số trên sim 89840200010695504480, 01 sim ở mặt trên có ghi "Hỗ trợ 4G" và dãy số 8984050518 là tài sản của bị cáo, bị cáo không sử dụng điện thoại và

sim điện thoại trên để phạm tội. Việc trả lại cho bị cáo các tài sản này là phù hợp với quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác có liên quan đến vụ án:

Đối với hành vi cất giữ số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm ngàn đồng) của bà Nguyễn Thị L, do bà L không biết số tiền 1.800.000 đồng mà bị cáo T đưa để nhờ L đóng tiền học cho con là do phạm tội mà có. Ngày 21/8/2019, Công an xã A đã thu giữ của Nguyễn Thị L số tiền 1.800.000 đồng để trả lại cho bị hại Nga nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử lý.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, căn cứ điều luật, xử lý vật chứng và mức hình phạt đối với bị cáo Tiến là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; Điều 50; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Minh T (tên gọi khác là Trịnh Văn T) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Trịnh Minh T 01 (một) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày 20 tháng 8 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh T:

- 01 một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave Alpha, màu đen, số khung: HY468271, số máy: 0443410, biển số 50Y1-228.91.

- 01 (một) điện thoại di động Redmi 5plus, màu đen, số IMEI: 868618030452460,

- 01 (một) sim Vinaphone có dãy số trên sim 89840200010695504480

- 01 (một) sim điện thoại ở mặt trên có ghi "Hỗ trợ 4G" và dãy số 8984050518.

(*Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B*).

4. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị cáo Trịnh Minh T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (22/11/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B;
- Phòng PV 27-Công an tỉnh B;
- Công an huyện D;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện D;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoàng